

## **Đức Hộ Pháp: Thời Pháp Nạn Đồ Lưu Hải Ngoại (1941-1946)** QS TS Nguyễn Thanh Bình

### **I. Tình Hình Tòa Thánh Tây Ninh Khi Đức Hộ Pháp Bị Bắt**

Đạo Cao Đài thật sự được có mặt ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (dl: 19-11-1926), nhưng trải qua biết bao nhiêu cay đắng khổ nhọc, người có đức tin tuyệt đối thì bị kẻ thiếu đức tin rình rập bên ngoài mong tìm mọi kẻ hở để phá, giống như thú dữ rình mồi. Người trung kiên với Đạo chỉ còn biết giữ lấy “áo giáp đạo đức” chống đỡ như kẻ đang bị đuổi giữa làn sóng dữ. Đại Đạo khai sinh nhằm thời đất nước Việt Nam đang chịu nền thống trị của Pháp, lòng dân phân phân bất nhất. Đau đớn cho Đấng Thượng Đế Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế vì con mà lặn lội chở che, rồi cũng chịu nạn như bị cuốn hút theo lớp sóng cuồng dữ dội....

Riêng Đức Hộ Pháp người dẫn đầu nhơn sanh cũng phải chịu tang thương, khảo đảo đến cùng, ấy cũng vì lòng người kém đức tin mà để cho thất Đạo Tâm, rồi làm theo tà quái mà chịu mê muội trong bã lợi danh. Tiếc cho nhiều bậc tài danh quay ngọn bút Tà tố cáo Đức Hộ Pháp, sau cùng Ngài phải chịu đồ lưu nơi Hải đảo Madagascar (Phi châu) trong thời gian 5 năm 2 tháng, vừa đau đớn khổ sở xác thân mà cũng vừa là gánh nạn cho dân tộc. Bởi trong cái vòng “Đạo Khai Thì Tà Khởi” nên mới khiến xui như thế !

Khoảng thời gian 1941-1946, toàn quốc tao loạn nền Đạo suy vi, mùa Pháp nạn của Đức Hộ Pháp nằm gọn trong thế chiến thứ hai giữa Đồng Minh và Trục Pháp thuộc phe Đồng Minh còn Nhật thuộc phe Trục. Nước Việt Nam cũng như các nước dù muốn dù không vẫn bị lôi cuốn vào chiến tranh. Nền Đại Đạo Cao Đài cũng bị ảnh hưởng thời cuộc. Đây là giai đoạn khó khăn nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài vì số tín hữu lan tràn khắp Nam, Trung, Bắc. Không khéo, tín đồ bị vạ lây.

Tôn giáo vốn không chính trị, nhưng tôn giáo phát sanh để cứu khổ, mà cứu khổ phải chen vai vào đám nhân dân (nhân sanh). Dù muốn đứng ngoài thế cuộc vào thời ấy, thật cũng khó khăn. Chỉ còn giải pháp tốt nhất là hợp tác ôn hòa để giữ vững lái thuyền Đại Đạo và bảo vệ tín hữu.

Khi Thế chiến thứ hai (1939-1945) bùng nổ giữa Đồng Minh và Trục Phát Xít (Đức, Ý, Nhật), thừa vận hội mới các nước nhược tiểu nổi dậy chống đế quốc.

Xứ Việt Nam các đảng phái nổi lên như: Mặt trận Việt Minh, Đại Việt, Quốc dân, Duy Tân, Phục Việt, Việt Nam quốc gia độc lập,... ..

Năm 1940, Nhật tràn vào đại lục Trung Hoa tiến xuống miền Đông Nam Á Châu. Pháp lo sợ bắt đầu đàn áp các đảng phái, Đạo Cao Đài chịu chung số phận của đất nước. Biểu

hiện chữ *Vạn tinh* (ngược chiều kim đồng hồ) trên nóc các Thánh Thất giống như chữ *Vạn động* chữ thập ngược (cùng chiều kim đồng hồ) của Đức Quốc Xã, bị chánh phủ Pháp hiểu lầm là Đạo Cao Đài theo Đức, nên Hội Thánh phải ra Thánh Huấn số 79 ngày 2-4-Canh Thìn (dl. 8-5-1940) như sau:

*“Hội Thánh cho toàn Đạo hay rằng: mới đây có Nghị định số 72 của toàn quyền Đông Dương Pháp ngày 3-5-1940 (al. 26-03-Canh Thìn) cấm treo cờ phướn có dấu chữ Vạn.*

*Những Thánh Thất, nhà Sở Phước Thiện của Đạo, cùng gia cư của Đạo hữu, cả đồ vật dụng thờ phượng có gắn hoặc vẽ chữ Vạn đều bị cấm cả”.*

Đó là dưới thời Toàn quyền Pháp Decoux (1940-1945).

Phong trào bài Pháp, chống Pháp lan rộng trên toàn quốc. Các tín đồ cũng là con dân trong nước, nên nhảy vào vòng tranh đấu. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh không thể ngăn được vì nước mất nhà tan.

Đạo sự phải suy vi, phân tán. Nhân cơ hội đó, một ít người vô lương, quá thiên về bả lợi danh, dựa theo quyền đòi, ám hại Đạo. Họ vu cáo phao truyền Đạo Cao Đài lập một nước nhỏ trong nước lớn. Họ chú giải lệch lạc các danh từ Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Đạo Nghị Định, Hội Thánh, Hội Nhơn Sanh, Toà Đạo, Cửu viện,... Ra là Thượng Nghị Viện, Hạ Nghị Viện, Toà Án, Cửu Bộ, rồi vu khống cho là Đạo Cao Đài có ý chủ trương thành lập “quân chủ lập hiến”.

Ngày 23 tháng 7 năm Canh Thìn (dl. 26-08-1940), Thống Đốc Pagès (Pháp) cho lính Mật thám Pháp vào chu vi Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh xét giấy tờ và đóng cửa Báo Ân Từ.

Ngày 8 tháng 11 năm Canh Thìn (dl. 06-12-1940) chánh quyền đem 5 xe hơi vào Tòa Thánh bắt các Chức sắc và Đạo hữu giải ra Tây Ninh.

Ngày 25 tháng 5 năm Tân Tỵ (dl. 19-06-1941) chính phủ Pháp cấm các công quả tạo tác không được xây tiếp Tòa Thánh.

## **II. Thời Pháp Nạn Đồ Lưu Hải ngoại (1941-1946)**

Từ năm 1940, đến tháng 5 năm 1941, nhà cầm quyền Pháp gây ra nhiều hình thức khủng bố các tín đồ và Chức sắc Đạo Cao Đài. Họ ra lệnh đóng cửa toàn bộ các Thánh Thất và các cơ sở Phước Thiện.

- Ngày 4-6-Tân Ty (dl. 28-6-1941), vào 8 giờ sáng, lính Mật Thám vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp. Thống đốc Pagès trả thù Ngài gửi thơ qua chánh phủ Pháp mà không trình qua dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

- Ngày 17-6-Tân Ty (dl. 11-7-1941), lính Mật Thám lại vào Tòa Thánh bắt thêm 4 vị Chức sắc nữa là: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, và đồng thời ở Sài Gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa.

- Ngày mùng 4-6 nhuận-Tân Ty (dl. 27-7-1941), chánh quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc lưu đày ở hải đảo Madagascar bên Phi Châu, trên chiếc tàu Compiègne.

(Chúng ta lưu ý rằng, trong năm âm lịch Tân Ty có 2 tháng 6: một tháng 6 trước và một tháng 6 nhuận. Ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị bắt là ngày mùng 4 tháng 6 trước của năm Tân Ty; ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị đưa đi đày là ngày mùng 4 tháng 6 nhuận năm Tân Ty, hai ngày ấy cách nhau 1 tháng).

Tin Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt ở Tòa Thánh Tây Ninh và bị đưa đi an trí loang ra khắp nước rất là nhanh làm chấn động cả toàn Đạo. Chức sắc và Đạo hữu xôn xao lo lắng, lại âu lo không rõ rồi đây cơ nghiệp Đạo sẽ ra sao. Các chức sắc đương quyền lúc ấy, một số tản cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

Ngày 16-06-năm Tân Ty (dl. 10-07-1941), một phiên nhóm bất thường quan trọng của các chức sắc tại Tòa Thánh để giao quyền Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng Đài của Đức Hộ Pháp cho ba vị Chánh Phối Sư, trong lúc Đức Hộ Pháp vắng mặt. Nhưng không biết có điều gì bí ẩn, mà hai vị Luật Sư Hiệp Thiên Đài là Phan Hữu Phước và Võ Văn Nhơn tranh giành các bổng vi bằng trước mặt ba vị Chánh Phối-Sư. Thế nên việc cầm quyền thống nhất của ba vị Chánh Phối Sư không thành.

Tòa Thánh Tây Ninh lúc ấy do Giáo Sư Thượng Tước Thanh và Giáo Hữu Thượng Chất Thanh điều hành và sắp đặt mọi việc để gìn giữ cơ nghiệp Đạo. Tuy nhiên, hàng tháng hai ông mới đến thăm một lần, chớ không dám ở vì bị mật thám tình theo dõi ráo riết.

Ngày 01-06- năm Tân Ty (dl. 25-06-1941), Đức Hộ Pháp cùng năm vị chức sắc: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Giáo Sư Thái Phấn Thanh (*bị bắt ở Cao Miên*), Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Quyền Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Sĩ-Tải Đỗ Quang Hiến bị dẫn giải về giam tại Sài Gòn. Sau đây là vài nét về 5 chư vị chức-sắc trên:

1. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1889-1954) được cầm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư (1930), Chương Quản Phước Thiện (1937). Năm 1946, Ngài lãnh Chương Quản Bộ Pháp Chánh, rồi qui vị ngày 22-01-Giáp Ngọ (dl. 24-02-1954).
2. Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, thế danh Nguyễn Thế Trọng: từ lúc khai Đạo đã có Ngài, sau khi ở Mã-Đảo về, Ngài vẫn tiếp tục làm việc Đạo.
3. Giáo Sư Thái Gấm Thanh, tên họ thật là Thái văn Gấm, ngôi Đầu Tộc Đạo Châu Đốc (1932-1933), Gia-Định (1934-1935), Thượng Thống Công Viện (1936-1937), Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo (1938-1939), đi mở Đạo miền Trung (1940) và qui vị tại Mã Đảo (Madagascar) năm 1943.
4. Giáo Sư Thái Phấn Thanh thế danh Trần văn Phấn giữ chức Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kiêm Biên (1941), thì bị Pháp bắt lưu đày, khi về nước Ngài sống ở Vũng Tàu, sau về Gò Vấp và từ trần năm 1965 (Gia Định).
5. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến chết tại Mã Đảo (Madagascar) , Phi Châu và về cơ xưng là Thánh Phi Châu có bài thi như sau:

**THI**

*Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,  
 Các Đấng ghe phen đã dặn dò.  
 Hành Đạo Cao Đài cho phải Đạo,  
 Học trò Xiển Giáo đáng danh trò.  
 Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,  
 Đạo đức trường tồn gắng chí lo.  
 Một kiếp phù sanh không mấy lát,  
 Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.*

Ngày 27-07-1941 (al. 04-06-Tân Tị), Đức Hộ Pháp và 5 vị chức-sắc bị đưa xuống tàu Compiègne cùng mười hai chánh-trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến bến Diego Suarez, miền Bắc đảo Madagascar. Tại đây đã có 11 chánh trị phạm người Việt khác đã bị Pháp đưa qua trước, hiệp chung là 29 người. Tất cả đều bị đưa đến quần đảo Comores (Xem hình Miền Bắc Mã Đảo)

Madagascar, tên chính thức Cộng hòa Madagascar, là một quốc đảo ở Ấn Độ Dương, khoảng 400 km (250 dặm) ngoài khơi bờ biển Đông Phi (phía Đông Phi Châu).

Quần đảo Comoro hay Comoros (Les Comores) tạo thành một quần đảo gồm các đảo núi lửa nằm ngoài khơi bờ biển phía đông nam Châu Phi, ở phía đông Mozambique và phía tây bắc Madagascar.



### *Madagascar (Mã Đảo) và quần Đảo Comores ở Nam Phi Châu*

Trong số chính trị phạm gồm có 6 chức sắc Đạo Cao Đài, ba nhà cách mạng là hai anh em Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sang, Ngô Văn Phiến, còn lại là Đảng viên Đệ Tam Quốc Tế.

Sau khi đày Đức Phạm Hộ Pháp, giữa năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng quân ngay trên nền Đền Thánh mới xây cất, chưa kịp lót gạch và trang trí. Viên Tiểu Đoàn Trưởng (Pháp) ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài (vì chúng cho: “*Hiệp Thiên Đài còn thì Đạo còn, Hiệp Thiên Đài mất, thì Đạo dứt*”) chôn một trái mìn (*mine*) một ngàn kí lô.

Thực dân Pháp nghi ngờ Đạo Cao Đài có liên hệ với phát xít Đức vì trên nóc Hiệp Thiên Đài có chữ Vạn, nên chúng nghĩ thế nào phát xít Nhật cũng đến giải vây Tòa Thánh. Viên Tiểu Đoàn Trưởng lúc đó mới châm ngòi nổ, vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Nhưng Nhật không tới, viên Tiểu Đoàn Trưởng đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho Thiếu Tá Rouband. Ông Trên xui khiến, viên Tiểu Đoàn trưởng không ghi “*Mission Impossible*” này trong biên bản nên Rouband khi được lệnh rút khỏi Tòa Thánh, đã không thi hành “*Sứ mạng bất khả thi*” này.

Vào Tết Bính Thân (1950), anh Ba Tất (cựu Thiếu Tướng *Lê Văn Tất*) đọc tin này trên báo Paris Match có trình lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài chỉ cười và bảo: “*Nếu không có ai câu điện mà giựt, thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi*”. Mới hay, nơi Thầy ngự là Bạch Ngọc Kinh tại Thế, đâu thể phá đổ dễ dàng như ý nông cạn của một ít người.

Để hiểu thêm một ít về đảo Madagascar: nước này lệ thuộc Pháp từ thế kỷ XVII. Năm 1943, thuộc địa này bị Anh chiếm, nhưng Pháp vẫn còn chủ quyền (*đây là chiến lược của*

*phe Đồng Minh*). Năm 1946, Madagascar được độc lập, chính phủ liên bang được thành lập, gọi tên mới là Cộng Hòa Malgache (*Larousse illustré. Paris 1952, trang 1517*).

Năm 1943, tình hình thế giới biến chuyển, Hitler chiếm nước Pháp. Tổng Thống Pétain lập chính phủ Vichy. Tướng De Gaulle lập chính phủ lưu vong ở Anh. Pháp buộc phải dời Đức Hộ Pháp và các chánh trị phạm tới một đảo nhỏ, kín đáo, sát đảo lớn tên Nosy Lava (*hay Nosi Lave*) ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar. Tất cả bị câu lưu trong trại giam đến ngày 24-11-1944 (al. 09-10-Giáp Thân) mới được ra ngoài lao động.

Trong những ngày tù đầy làm các việc lao động (coọc vê), Đức Ngài được Đức Chí Tôn che chở, khiến cho bao tai nạn đều qua. Một lần xe hơi chở Đức Ngài cùng mấy chục người tù, qua một chiếc cầu bắc ngang sông. Cầu gãy, xe rớt theo, thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo, không ai hề hấn gì cả. Một lần khác, cũng xe chở tù, trong đó có Ngài. Xe đang leo lên dốc núi thì bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ một gốc cây bên bờ vực thẳm mà ngăn được sức xe đang tuột dốc với một tốc độ kỳ dị. Tất cả mọi người đều hồn lìa khỏi xác từ từ tỉnh lại. Bình tĩnh nhìn Ngài mà nói rằng: “*Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão này*”. Nhờ đó, từ đây về sau ai ai cũng có thiện cảm với Đức Ngài.

Đức Ngài quan sát vùng quê Mã Đảo thấy người dân da đen, nơi nào cũng nghèo nàn. Họ làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Họ lừa trâu bò quàng trên ruộng cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy, không dùng sức vật cày bừa như ở nước ta. Ngài thấy rõ ràng người Pháp không muốn mở mang nông nghiệp hay bất cứ việc gì, mà để dân ngu hòng dễ cai trị. Lòng nhân của một vị Thiên Quân xui khiến Ngài phải hành động cứu nhân độ thế, dù bất cứ sắc dân nào. Ngài cùng Giáo Sư Phán làm cày, làm bừa rồi mắc kế bò cày bừa thử nghiệm cho dân Malgache thực hành. Họ tri ân Đức Ngài. Từ đó, phương-pháp cày bằng trâu bò của nước ta được truyền rộng rãi trên Mã Đảo để phát triển nông nghiệp.

Dân Malgache cũng chưa biết xay lúa giã gạo, mà chỉ tuốt hạt rồi tọt như dân thiểu số ở nước ta. Ngài nhờ ông Trọng làm cối xay, còn chính Ngài đục khoét làm một cái cối giã gạo. Mới được cơm ăn, còn nhà ở của dân đảo hầu hết là tranh lá, Ngài chỉ cho họ cách làm lò nung gạch, in gạch, in ngói. Ngài cho phép dân chúng được phổ biến cách làm gạch để chống lại độc quyền của bọn Pháp.

Cái ăn, cái ở đã có, nhưng đầu óc còn ngu dốt, thì không thể cải hóa dân sinh dân trí một cách hữu hiệu được. Đức Ngài coi dân đảo như đồng bào ruột thịt của mình, cần khai hóa và mở mang trí tuệ họ. Ngài lập một trường tiểu học gần nơi Ngài sinh sống, dạy tiếng địa phương và tiếng Pháp. Vì thế, họ coi Ngài như một Đấng Sư Biểu.

Chưa hết, Ngài còn chỉ họ cách hầm vôi, cách làm vòng vàng, bông tai, cà rá, kiềng vàng... giúp cho đời tươi đẹp hơn lên.

Một đệ tử đã cảm khái những hoạt động khai hóa và từ thiện của Đức Ngài bằng bài thi sau:

### **THI**

*Mén ông thợ bạc gốc Thầy tu,  
Nuôi cả nhơn-sanh bị nhốt tù.  
Đẽo mẫu cày, bừa trâu lấm thốc,  
Xây lò vôi, gạch, nhận nhiều xu.  
Dắt diu kẻ khó thành Vương Khải,  
Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư.  
Thầy tớ gặp nhau trên đảo vắng,  
Pháo đầu như nổ dưới chân cù.*

“*Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư*”. Thật vậy, nhiệm vụ trọng yếu của Thiên Quân là truyền đạo độ đời. Một hôm, Thiêng Liêng chuyển Đức Ngài đi qua đi lại nhà một cư sĩ trí thức ba lần. Vì được Sư ông báo trước sẽ có vị Phật sống đến độ dẫn, nên vị cư sĩ ra rước Ngài vào nhà, rồi quì xuống xin Ngài truyền tâm pháp tu chơn. Ngài mở huyền quang khiêu cho cư sĩ được chứng ngộ tại thế. Một lần khác, cô Marie, sinh viên du học tại Pháp, nằm mộng thấy Thần Linh mách bảo: trong nước xuất hiện vị Phật sống. Cô bỏ học trở về nước dù bị cha mẹ trách mắng, cô kiên trì tìm gặp Đức Ngài. Đức Ngài làm lễ nhập môn cho cô Marie vào Đạo, rồi cô trở thành thư ký cho ông “*thầu khoán bất đắc dĩ*” để giúp nhân sanh.

Đức Ngài được cô Marie đưa đi tham quan cảnh hồ “*Lac Tinivar*”. Hồ này nằm giữa hai ngọn đồi cao, hình bầu dục, bề ngang độ 300 thước, bề dài 500 thước, chấm dứt bằng một khoé ngắn, bên kia một khoé dài, kết hợp giống như một con mắt, mí dưới thấp, mí trên cao, rặng cây làm viền giống như chân mày. **Rõ ràng là con mắt trái: “*Thiên Nhãn*”**. Trong những giờ rỗi rảnh nơi xứ lạ quê người, Đức Ngài không bao giờ không vọng tưởng đến Đấng Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng. Đức Ngài cùng Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến phò loan, được các Đấng giáng an ủi. Một hôm Đức Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng cho bài thi như vậy:

### **THI**

*Lược chiến từng quen đã bấy lâu,  
Thiên cơ đã rõ máy cao sâu.  
Dẫn lòng nhẩn nại chờ đôi lúc,  
Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm mầu.*

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên Phong, có Đức Nhân Âm Đạo-Trưởng đến, để Bàn Tãng đi triệu Thần Hoàng Bồn Cảnh tới gìn giữ cơ.

Nhàn Âm Đạo Sĩ cười... Bàn Tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị đường này. Hận thay cho giống dã man tàn bạo... Trung Quân là Nam Kinh đó vậy. Nơi ấy là ổ của Việt kiều. Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

### **THI**

*Quá hải đòi phen đến viếng nhau,  
Ngặt không cơ bút để lời giao.  
An-nhàn đợi thuở triều linh địa,  
Chuyển thế gặp thời phải mùa đao.  
Cõi Á đã trở thành nơi chủng-quốc,  
Phương Âu sẽ diệt tận nô-lao. (\*)  
Lửa hương đất Việt dầu quen nhúm,  
Nhờ đám Trung-Quân ở nước Tàu.*

(\*) (Tức No si Lave ở về phía Bắc (North) Tây Bắc Madagascar)

Ít lâu sau cầu cơ, một vị (phái nữ) giáng không xưng tên mà cho bài thi sau:

### **THI**

*Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười,  
Mi đã rước ai hồi hồi người.  
Lượn thăm bủa ghềnh tình ột ạt,  
Gió sâu xô dãnh ái toi bời.  
Yên phu điệu gọi thương cành sớm,  
Giọng ngạn quyên kêu gọi buổi mai.  
Tổ-quốc đón đường bao dặm thẳng,  
Xa đưa thăm thăm một phương trời.*

Nosy Lava (Nô-si-lao) là hòn đảo nhỏ ở phía Tây Bắc quần đảo Madagascar.

Về sao Vô Danh thị lại giáng cơ và như:

“Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong. Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lệnh Chí Tôn cho nơi nghỉ nơi đây. Chí Tôn than rằng: “Chức sắc Thiên Phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì có ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên-hạ.

### **THI**

*Đã phong trần phải chịu phong-trần,  
Có thân âu phải biết thương thân.  
Nam xa ví chẳng vì đường khó,  
Việt dãnh mong chi đượm lửa mừng.  
Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,  
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.*



*Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,  
Mặt đũa cầu ta vốn định chùng.*

Trong những năm tháng bị lưu đày khổ sở, Đức Phạm Hộ Pháp luôn luôn được các Đấng thiêng liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo, mà người Pháp muốn dùng cách đó để gián tiếp giết chết Đức Phạm Hộ Pháp.

Khi Đức Hộ Pháp cầm một que nhỏ và tay kia khóa cát cho bằng thì liền có một Đấng giáng bút để an ủi, và báo tin cho biết tình hình chuyển biến của thế giới và VN, và cũng có tiên tri như bài thi sau đây của Vô Danh thị:

### **THI**

*Hòn đảo này đây trước nhốt tù,  
Mà nay làm khám nhốt Thầy tu.  
Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,  
Thì lũ Tây man, Nhật bốn trù.*

Những bài thơ trên đây đều có tính chất tiên đoán thời cuộc ở xứ nhà. Vô hình trung tuy xa thiên lý mà gần trong gang tấc. Tuy ít ai tin, nhưng việc gì tới sẽ tới.

Vô Danh thị là ai? Đó là Đức Linh Sơn Thánh Mẫu vâng lệnh Thất Nương Diêu Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù dấu tên nhưng Đức Hộ Pháp biết được, vì chiếc nhẫn nam ngọc trên tay Ngài phát hào quang khi bà thăng. Hạt ngọc này của ông Lê Sanh Võ văn Đợi tìm được ở Núi Bà, biếu cho Ngài. Nên biết ông Đợi theo Đức Hộ Pháp học tu tịnh, đã chứng ngộ biết trước được nhiều việc, nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung, để rước các Thầy tu ở núi lở vụn.

Biển cổ Núi Điện Bà Tây Ninh điêu tàn, một nhóm chức sắc xin Đức Hộ Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền Thờ Phật Mẫu, Đức Ngài phê: “*Bản Đạo vì thanh tình lúc bị lưu đày, Bà thường đến thăm mà thuận cho*”.

Trong thời gian bị lưu đày, Đức Hộ Pháp thường câu cơ, lúc với Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, lúc với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Theo lời kể lại của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965, với ông Hội Trưởng Thánh Thất Bàu Sen, Phạm Duy Tảo và soạn giả (*ông Truyền đến nhà anh Hai Tảo để chích thuốc. Ở đây bốn đạo ai cũng biết*): Đem Noël (1945) (*Theo lời kể của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965*), Đức Hộ Pháp và Ngài Khai Pháp phò cơ, ông Nguyễn Thế Truyền làm đọc giả. Đức Lý Giáo Tông giáng cơ cho biết các ông sẽ được thả và đưa về Việt-Nam vào cuối năm 1946. Rồi Đức Lý Giáo Tông ân phong cho ba ông:

1. Ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa Lý Quân, giữ tròn vẹn lãnh thổ Việt-Nam.

2. Ông Nguyễn Thế Song phẩm Bảo Thương Quân áp dụng việc trao đổi và điều hòa hàng hóa trong chúng sanh.

3. Ông Ngô văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân để bảo vệ môi trường và sinh mạng nhân loại...

Ngày 1 tháng 10 năm 1946 (al. 07-06-Bính Tuất), Đức Hộ Pháp và các ông được tự do và trả về Việt Nam. Hai ông thường liên lạc với nhau.

“Tôi (L. H. CH.) thường gặp ông Nguyễn Thế Truyền khi tại Tòa Thánh Tây Ninh, khi ở Văn Phòng liên lạc số 145 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) hay địa chỉ của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Giáo chủ Đạo Cao Đài, người bạn tù với ông ở Madagascar”. (Nhân vật lịch sử - Nguyễn Thế Truyền, Tạp Chí Xưa & Nay số 60)

### III. Hết Mùa Pháp Nạn

Một hôm Đức Hộ Pháp nói với Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, người được Pháp cử làm đại diện tù nhơn tại Mã Đảo rằng: “*Ba hôm nữa, chúng ta sẽ trở về nước*”.

Ngài Trần Duy Nghĩa cho là chuyện huyền hoặc, bịa đặt nên đáp: “*Ông đã bày đặt Thương Đế, Tiên, Phật, chớ làm gì có, để ngày nay đến nỗi này*”. Nói rồi hất quần áo của Đức Ngài từ trên phảng rơi xuống đất. Đức Ngài rơi lệ, cúi xuống nhật và nói: “*Thánh Pierre lần này là lần thứ ba người phản ta*”. Nên biết ngươn linh của Ngài Trần Khai Pháp là Thánh Pierre.

Ba hôm sau, quả như lời, tất cả quý vị được trả tự do. Ngài Trần Duy Nghĩa phải lạy Đức Ngài (Đức Hộ Pháp) để xin lỗi.

Bởi lẽ, sau khi người Pháp trở lại Đông Dương (tháng 9-1945), tình hình Việt Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài đoàn thể có tổ chức chắc chắn, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ.

Ở Việt Nam, ngày 8-04-Bính Tuất (dl. 8-05-1946), các cơ sở Đạo tại Sài Gòn bị chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau ba ngày hội-đàm, Giáo Sư Trần Quang Vinh và Ménage ký thỏa ước ngày 9-06-1946, có thể tóm tắt như sau:

**1. Đối với Pháp:** quân đội Cao Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả các bộ đội lưu động kháng chiến.

**2. Đối với Đạo:** quân Pháp ngưng các cuộc khủng bố, không bắt giam tín hữu, bảo đảm quyền tự do hành giáo và truyền giáo. Mở cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, được tự do

tế tự trong phạm vi tôn giáo. Trao trả Đức Hộ Pháp và chư vị Thiên Phong về cố quốc, phục hồi các quyền công dân cho chư vị đó.

Vì các điều khoản đó mà chính phủ Pháp mới trả tự do cho Đức Hộ Pháp. Khởi đầu Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (*tức Trần Quang Vinh*), ngày 16-08-1946 đến gặp Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ Cédile và Đồng Lý Văn phòng Frémolle bàn tính việc rước Đức Hộ Pháp, bằng máy bay để tỏ sự kính trọng đối với vị lãnh đạo một Tôn giáo lớn.

Toà Thánh vẫn thành lập một đạo binh Tự Vệ để phòng thủ do Đại tá Nguyễn Thành Phương tổng chỉ huy.

Từ đây, Toà Thánh dưới sự điều khiển của Ngài Khai Đạo Hiệp Thiên Đài Phạm Tấn Đãi tổ chức lại Toà Nội Chánh Cửu Viện, sửa soạn các dinh thự. Tín hữu mọi nơi lần lượt trở về tụ tập quanh Tòa Thánh Tây Ninh (Tổ Đình).

#### **IV. Đức Hộ Pháp Hồi Loan**

Ngày 20-08-1946 (al. 24-07-Bính Tuất), nhà cầm quyền Pháp báo cho Đạo biết chuyến tàu Ile De France cập bến Vũng Tàu, trong đó có Đức Ngài. Giáo Sư Thượng Vinh Thanh vội ra châu tri cho toàn Đạo hay để chuẩn bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới, trên tàu Ile De France sắp cập bến, không có Đức Hộ Pháp và chưa rõ ngày nào về. Vì lẽ đó Pháp cho một ít người tuyên truyền rằng: Pháp không biết bao giờ thả Đức Phạm Hộ Pháp. Mục đích của nhà cầm quyền Pháp là tránh dân Đạo tụ tập đông đảo mất an ninh.

Ngày 25-7-Bính Tuất (dl. 21-8-1946), Đức Phạm Hộ Pháp cùng 3 vị Chức sắc: Khai Pháp Trần duy Nghĩa, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Phần Thanh (còn 2 vị kia là Giáo Sư Thái Gám Thanh và Sĩ Tài Đỗ quang Hiến đã chết tại đảo, Sĩ Tài Hiến đắc vị Thánh ở Phi Châu) được chánh phủ Pháp đưa về VN trên chiếc tàu buôn tên là Ile de France, cập bến Vũng Tàu (*Cap Saint Jacques*). Nhà cầm quyền Pháp chuẩn bị đi rước bằng máy bay từ Cáp về Sài Gòn.

09 giờ 20 sáng ngày 22-08-1946 (al. 26-07-Bính Tuất), phi cơ cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhứt, phái đoàn gồm có Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, ông Frémolle, Đồng Lý Văn Phòng của ông Cédile, Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ, ông Bazin, Sĩ quan Cò mật thám. Khi đến Cáp, phi-cơ bay lượn ba vòng trên chiếc tàu Ile De France rồi mới đáp xuống phi trường...Nơi đó đã có quan Chủ Tỉnh Cap Saint Jacques, M. Ropion, chờ tiếp đón. Rồi cả thầy lên xe hơi xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Phạm Hộ Pháp, ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle, thì ôm lấy Đức Ngài mà tỏ tình tri ngộ, vì lúc ở Mã Đảo hai người đã quen biết nhau. Kế đến là quan tư Pháp Désanges và phu nhơn, người có phận sự đưa

Đức Hộ Pháp từ Mã-Đảo đến Sài Gòn gặp Phái đoàn. Sau khi thủ tục hành chính thông thường xong, thì phái đoàn đưa Đức Ngài xuống tàu nhỏ trở vào đất liền.

Ông Chánh Chủ Tỉnh, M. Ropion rước Đức Ngài và phái đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh thuật lại giai đoạn mà Đức Ngài bị nạn (1941-1946). Nào là Tòa Thánh bị chiếm, chức sắc phải hành đạo ở Kiêm Biên (*hạ tuần tháng 3 năm Nhâm- Ngọ, 1942*), hiệp tác với Nhật Bản (01-12- Nhâm Ngọ), ở hãng tàu Nitinan và Nội Ứng Nghĩa Binh (al. 01-01- Ất Dậu), lập Cao Đài Tham Mưu Quân-Sự Vụ, hiệp tác với Mặt Trận Việt Minh, tới thoả ước ngày 9-06-1946 (al. 10-05-Bính Tuất). Riêng Thoả ước thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm, khá lâu rồi mới nói: *“Luật công bình thiên liêng của Tạo Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cãi đặng..., còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt-Nam dứt đặng...”*

Ý Đức Ngài muốn nói: hoàn cảnh thúc bách đã tạo ra quân đội, nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu vong sau này, nhận thay cái khổ cho nhân sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cãi lại luật Thiên Điều.

Tín đồ các nơi tấp nập kéo đến thăm Đức Ngài. Đức Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng trù mến. Đức Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại, mà các Đấng lúc nào cũng giáng cơ an ủi Đức Ngài. Tiếp đó là Giáo sư Thượng Vinh Thanh và bốn bộ lần lượt kể lại tất cả sự việc 5 năm qua, buồn vui lẫn lộn.

Ngày 30-08-1946 (al. 04-08-Bính Tuất), toàn Đạo và chánh phủ làm lễ rước Đức Hộ Pháp về Tòa-Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của Đạo và 7 chiếc của Pháp, nhưng chỉ có 5 chiếc của Đạo mới đưa về tới Tây Ninh.

Khi gần tới Tây Ninh, thì có Chủ Tỉnh Tây Ninh ra nghinh tiếp và vào dinh Tỉnh Trưởng đàm luận. Sau đó đoàn xe tiếp tục về Tòa Thánh đúng 12 giờ trưa. Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài với toàn thể tín đồ nam nữ đã xếp hàng dày đặc hai bên đường nghênh tiếp Đức Ngài. Xe vừa ngừng, Đức Ngài xuống xe bước vào cửa Đền Thánh, Đức Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ cảm hoài. Các chức sắc thấy thế cũng chan hòa đồng nhịp tuông châu thương hận.

Tiếng Đại Hồng Chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Đức Ngài bước vào Bửu Điện đánh lễ Đức Chí Tôn. Sau đó, Đức Ngài qua Giáo Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo Tông, đoạn xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp nghinh. Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp Thiên Đài, Giáo-sư Thượng Vinh Thanh đại diện cho Cửu Trùng Đài và một Sĩ quan Pháp đại diện cho Chính-Phủ Bảo hộ, mỗi người đọc một bài diễn văn đề chúc mừng. Sau cùng, Đức Ngài đáp từ và tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài.

Bữa tiệc mừng ngày hồi loan của Đức Phạm Hộ Pháp bắt đầu trong bầu không khí vui tươi cởi mở. Tất cả đều hướng về Đức Ngài trông đợi những ngày thanh bình thịnh trị.

Sau đó Đức Cao Thượng Sanh đến thăm Đức Ngài, có lưu một bài thơ cảm tác như vầy:

### **Cảm Tác**

*Nhành lá rừng tòng đã điểm tươi,  
Còn non còn nước lại còn người.  
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,  
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.  
Nguồn Đạo xưa trong đôi cảnh nghịch,  
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.  
Trời Nam thử điểm trang tân-sử,  
Đổ lệ cùng nhau gượng để lời.  
Cao Thượng Sanh*

### **Họa Vận**

*Sắc son nhuộm tánh đậm màu tươi,  
Hay dỡ khen chê để miệng người.  
Đày đọa xét thân không hổ thẹn,  
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.  
Vó ký từng trải đường nguy hiểm,  
Cánh hạc quen chịu gió ngược xuôi.  
Ước trả mấy may ơn xã tắc,  
Nợ muôn đền một kẻ chi lời.  
Đức Hộ-Pháp*

### **Lại Họa Vận**

*Màu xe Tây vức ngấm thêm tươi,  
Hỏi khách Hồn ngươn đặng mấy người.  
Ly hận ngày qua, non ngó khóc,  
Trùng hưng buổi hiện, gió reo cười.  
Cơ huyền trí tịnh tan rồi hiệp,  
Phép Tạo tay cầm ngược cũng xuôi.  
Tổ đặng nổi mừng chia hạnh-phúc,  
Đá kia cũng gặt để nên lời.  
Cao Tiếp Đạo*

Đức Cao Thượng Sanh ở lại Tòa Thánh Tây Ninh để cúng Rằm và dự lễ Hội Yến Diêu Trì Cung. Nhân lễ Hội Yến Diêu Trì Cung năm ấy (1946), bà Bát Nương giảng cơ cho Đức Hộ Pháp bài thi:

### **THI**

*Đào nguyên lại trở trái hai lần,  
Ai ngờ Việt thường đã thấy Lân.  
Cung-Đầu ví xa gươm Xích-quỷ,  
Thiên-Cung mở rộng cửa Hà-ngân.  
Xuân-Thu định vững ngôi lương tể,  
Phát-Chủ quét tan lũ nịnh thân.  
Thối khí vĩnh sanh lau Xã-tắc,  
Mở đường quốc thể định Phong-vân.  
Bát Nương*

### **Họa Vận**

*Chông gai đường Đạo mãng dò lân,  
Từ bước ta bà trở cố lân.  
Biển Bắc vừa nghe hơi súng nổ,  
Gành Nam kể lóng tiếng chuông ngân.  
Buồm thuyền tể độ sang mơ mộng,  
Gió hạc chiêu Tiên giục định thân.  
Cam lộ kìa ai dành để sẵn,  
Cành Dương rửa sạch nét phù vân.  
Đức Hộ-Pháp*

### **Lại Họa Vận**

*Dựng gậy xã tắc bấy nhiêu lần,  
Mong mỗi vùng Nam đặng thấy Lân.  
Đãnh Việt Trời che gìn cảnh trí,  
Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.  
Đài hoa tạc để gương anh kiệt,  
Thiên khiến dành riêng đám tội thân.  
Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,  
Làm trai tua vẹn trí thanh vân.  
Cao Thượng Sanh*

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, ông Lễ Sanh Thượng Tý Thanh vào viếng sư phụ. Đức Ngài nhìn ông rồi hỏi: “Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?” Ông Tý trình rằng: Khi vào làm hăng tàu Nitinan, Nhật buộc phải cắt tóc. Các ông có cầu cơ được Đức Lý chuẩn thuận. Đức Ngài chuyển sang việc Nội Ứng Nghĩa Binh tham gia đảo chánh ngày 9-03-1945 (al. 25-01-Ất Dậu). Đức Ngài nói: “Các em tham gia đảo chánh, thì tự nhận tương lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công, cũng không được vào lịch kỷ niệm”.

Ai cũng biết, quân đội Cao Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội Ứng Nghĩa Binh (1945), trước khi Đức Hộ Pháp được trả tự do. Thế nên Đức Ngài minh định: “*Chỉ có quân đội Cao-Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập. Văn thư số 115/HP-TTVP đề ngày 17-01-1949 (al. 19-12-Mậu Tý) gửi cho Thượng Sứ Pháp và Đại Tướng Blaizot, Tư Lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Đức Ngài đã viết rõ: “Sự hiện diện của những tổ chức quân lực Cao Đài của chúng tôi đã đến giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày ấy”.*

Chân dung Đức Hộ Pháp trong những năm bị lưu đày, thể hiện rõ tư tưởng đại đồng, yêu thương nhân loại. Đức Ngài đã giúp dân Malgache cải thiện cuộc sống và thân hữu với kẻ địch. Ngoài lòng yêu dân (Ngài có bút hiệu là *Ái Dân*) còn nhớ cố hương trong những lúc rảnh rỗi, Đức Ngài trò chuyện với ông Nguyễn Thế Truyền rất là tâm đắc.

Ông Nguyễn Thế Truyền kể cho Đức Ngài về hoạt động của nhóm Ngũ Long (*Phan văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An-Ninh*) trong những năm đầu của thế kỷ thứ hai mươi này ở Pháp. Ông Truyền cho biết ông Nguyễn Ái Quốc có tình yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, nhất định phải giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

Nhờ đó, hai ông thân nhau và lập ra nhóm Ngũ Bạch. Rồi cầu cơ, Đức Lý Giáo Tông giáng cơ thu nhận ba nhà cách mạng vào hàng Bảo Quân (trong Thập Nhị Bảo Quân, Hiệp Thiên Đài). Xem thế dù hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài luôn phổ độ chúng sanh như lời nguyện.

## **V. Đức Ngài Nhắc Lại Những Ngày Nơi Hải Đảo Madagascar**

...“Nhớ lại lúc chánh quyền Pháp đày ra Hải đảo Madagascar, trong đó có nhiều Chức sắc Thiên phong cùng chung chịu ảnh hưởng, Bàn-Đạo chỉ thấy một Đức Ngài (Khai Pháp Trần Duy Nghĩa) và em Thánh Hiển (Sĩ Tài Đổ Quang Hiển) hết lòng phụng sự Bàn Đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bàn Đạo đáo để. Có người dựa quyền lợi theo thuyết Cộng Sản, dùng sức mạnh trở lại khổ khốc Bàn Đạo mà chưa vừa lòng. Họ còn xúi giục chánh quyền đày Bàn Đạo lên nguồn cao nước độc để giết Bàn Đạo một cách gián tiếp. Nếu chẳng nhờ quyền năng thiêng liêng giúp sức thì Bàn Đạo không thể trở về Tổ quốc Thánh địa nước Việt Nam ngày nay.

Tội nghiệp em Thánh Hiển với Ngài Khai Pháp, thấy vậy cũng xin đi theo, đã bị chúng đuổi đánh, cũng tính kế đi theo nuôi dưỡng Bàn Đạo cho được.

Thánh Hiền, vì đi theo Bàn Đạo uống nước độc mà bỏ mình nơi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn Bàn Đạo và Ngài. Ngài ôm Bàn Đạo mà khóc, chỉ van vái một điều là cầu xin Đức Chí Tôn đem về đất Thánh cốt xác mà thôi. Thật quả nhiên như lời nguyện không sai...

## **VI. Đức Hộ Pháp Chấn Chỉnh Lại Tổ Chức Đạo**

Triệu tập Hội Nghị Nhân sanh và khai mở Hội Thánh Phước Thiện.

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp trở về Toà Thánh Tây Ninh, Đức Ngài triệu tập Hội Nghị Nhơn Sanh để chấn chỉnh guồng máy Đạo. Trong huấn từ khai mạc Đại Hội Nhơn Sanh ngày 1-12-Bính Tuất (dl. 23-12-1946), Đức Ngài nói:

“Đã trót 5 năm dư, Bàn Đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại, thì đã từng chịu biết bao nhiêu là sự đau khổ tâm hồn, nỗi lo cho tương lai của Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi nạn chiến tranh loạn ly, nặng nơi lòng một tình thương nhớ cả con cái của Chí Tôn trót triệu chơn linh của Người giao gìn giữ.....

Con hạc lạc hồi quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi vẻ thay màu, thảm thiết nơi lòng tuôn châu đổ ngọc, sắp muốn kêu cùng cuối một tiếng nỉ non giục kẻ tri âm hồi đáp. Ôi! Dưới bức thê lương này ai là tri kỷ, tri âm cùng Bàn Đạo, ngoài ra chừ Hiền Hữu, Hiền Muội thì Bàn Đạo đã kiếm đặng ai. Tưởng khi các bạn cũng có lẽ tội nghiệp cho con hạc bịnh này, mà để tai lóng tiếng.....

Vậy Bàn Đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất nên yếu thiết là: Hòa giọng đau thương cùng con hạc lạc này đặng giục lòng bác ái một cảnh an nhàn thiêng liêng cho toàn sanh chúng. Bàn Đạo đã nhiều lo ngại cho căn số con cái của Chí Tôn trong buổi phiêu lưu nơi hải ngoại, e ra vì nhẹ dạ của đôi phần tử Thánh Thể của Thầy, nên vừa để gót về đất Tổ Đình thì đã quên hẳn mảnh thân tiều tụy hao mòn, vôi cầm quyền của Đạo đặng sửa đương cho đẹp vẻ chơn truyền, rồi lại tìm phương hiểu tận những điều khuyết điểm, hư hại hầu giới mài thêm nữa, nên tức cấp mở Hội Nhơn Sanh đặng phục vụ quyền Vạn Linh như trước. (TĐHP Q1/03)”.

Mười lăm hôm sau, Đức Hộ Pháp khai mạc Đại Hội Phước Thiện tức vào ngày 15 tháng 12 Bính Tuất 1946 (dl. 23-12-1946), Đức Ngài nói:

“Hội Thánh có hai Cơ Quan: Hành Chánh và Phước Thiện thường tương khắc nhau, song chưa tìm chơn lý để hòa nhau, ngày nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực thì không thi thố phận sự trọng yếu cho ra thiết tướng được.....



Ấy vậy mấy em phải rán sức, định tâm lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phàm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao, tối trọng được, phải có khối óc thiêng liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn đối với con cái Ngài là quần linh.” (TĐHP Q1/04) Như vậy, vừa khai Hội Nhơn Sanh và Phước Thiện vừa thông báo chính thức cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn hay rằng Đức Ngài tái thủ Quyền Vạn Linh khuyên toàn Đạo chung hiệp xây dựng tổ đình và chơn truyền Đại Đạo.

## **VII. Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đại Hội Nhơn Sanh và Phước Thiện**

### **A. Khai Mạc Đại Hội Nhơn Sanh**

Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 1 tháng chạp năm Bính Tuất (1946) (dl. 23-12-1946)

Thưa cùng chư Nghị Viên và Hội Viên Lương Phái,

Đã trót 5 năm dư, Bàn Đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại, thì đã từng chịu biết bao nhiêu là sự đau khổ tâm hồn, nỗi lo cho tương lai của Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi nạn chiến tranh loạn ly, nặng nơi lòng một tình thương nhớ cả con cái của Chí Tôn trót triệu chơn linh của Người giao gìn giữ.

Bàn Đạo chẳng cần minh tả thì chư Hiền Hữu, Hiền Muội cũng rõ từ trước ta đã chán thấy nhân tiền rằng: Chỉ có thương một người mà năng lực tình ái ấy cũng đủ làm cho phải hủy mình mà từng mạng linh của nó. Ôi! Cái mãnh lực tuy vô hình mà nó oai quyền rất dữ, Bàn Đạo nếu chẳng đủ tinh thần cường liệt nương lấy đức tin thì e nó đã giết hẳn mạng sanh của Bàn Đạo một triệu lần mới phải.

Hễ cùng chia đau thảm nghèo khổ, hèn tiện có bao nhiêu thì cường lực tình ái càng tăng nhiệt độ thêm cao hơn nữa. Bàn Đạo đã quyết thắng, thắng đặng sống, sống vì Thầy vì Đạo vì yêu con cái của Người. Bàn Đạo thiết là người đã phục sanh với một quyền Chí Thánh đó vậy. Về tổ quốc sau khi đã chịu đủ vị thảm sầu, tưởng đã đủ có phôi bày cho cả chúng sanh thấy đặng rõ ràng chơn tướng của Đạo, đã nung chuốt với sự thảm khổ vô hạn của mình đặng vẽ vời giọt huyết lệ, hai chữ Nhơn nghĩa cho đời; nào dè trái lại thấy chan chán trước mặt một tấn tuồng bi thảm, nước mắt nhà tan, xương chồng máu đổ. Một trường sát khí bao trùm toàn quốc, gươm tử thần vùn vụt khắp nơi, làm cho con cái không cha, tớ không thầy, vợ không chồng, cốt nhục tương tàn, nhân dân đồ thán.

Con hạc lạc hội quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi vẻ thay màu, thảm thiết nơi lòng tuôn châu đổ ngọc, sắp muốn kêu cùng cuối một tiếng ni non giục kẻ tri âm hồi đáp. Ôi! Dưới bức thê lương này ai là tri kỷ, tri âm cùng Bàn Đạo, ngoài ra chư Hiền Hữu,

Hiền Muội thì Bàn Đạo đã kiếm đặng ai. Tưởng khi các bạn cũng có lẽ tội nghiệp cho con hạc bịnh này, mà để tai lóng tiếng. Ôi! Cái khối sanh của Chí Tôn đã xiêu lạc nơi nào mà để hai sắc con yêu ái của Người phải chịu nạn tương tàn như thế!...Bàn Đạo ngày nay hiển nhiên đứng trước mắt các bạn mà còn ngỡ là giấc chiêm bao. Vậy Bàn Đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất nên yếu thiết là: Hòa giọng đau thương cùng con hạc lạc này đặng giục lòng bác ái một cảnh an nhàn thiêng liêng cho toàn sanh chúng. Bàn Đạo đã nhiều lo ngại cho căn số con cái của Chí Tôn trong buổi phiêu lưu nơi hải ngoại, e ra vì nhẹ dạ của đôi phần tử Thánh Thể của Thầy, nên vừa để gót về đất Tổ Đình thì đã quên hẳn mảnh thân tiêu tụy hao mòn, vội cầm quyền của Đạo đặng sửa đưng cho đẹp vẻ chơn truyền, rồi lại tìm phương hiệu tận những điều khuyết điểm, hư hại hầu giờ mài thêm nữa, nên tức cấp mở Hội Nhơn Sanh đặng phục vụ quyền Vạn Linh như trước.

Bàn Đạo để trọn tín nhiệm nơi các bạn, Bàn Đạo xin mở Hội.

**Phụ ghi:** Lịch Việt Nam. Ấn bản 1-3. Nguyễn Duy Thức biên soạn, Holly Ngô cập nhật dựa theo công thức của Fung F. Lee và Ricky Yeung. Hội Chuyên Gia Việt Nam 1995-1996: Ngày âl. 01-12-Bính Tuất nhằm ngày (dl. 23-12-1946)

## **B. Khai Mạc Hội Thánh Phước Thiện**

Ngày rằm tháng chạp năm Bính Tuất (1947) (dl. 06-01-1947)

Ngày nay, nhóm Đại Hội Phước Thiện cũng là một Hội trong Quyền Vạn Linh, Bàn Đạo cần giải rõ cái nhiệm vụ rất trọng yếu của Phước Thiện cho Chức Sắc, chư Phái Viên và Nghị Viên được hiểu.

Từ thử Thiên Phong nam, nữ Phước Thiện chỉ hiểu mảy may cái trách nhiệm tối cao tối trọng của mình chớ chưa hiểu cùng tột. Bởi có cho nên nhiều người không hiểu phận sự, hành Đạo không đúng theo chơn truyền, sai hẳn giá trị của Cơ Quan Phước Thiện, việc làm của chư vị không ra gì hết, thành thử Cơ Quan Phước Thiện chưa có kết quả chi, lại còn theo lối giành giựt nhau.

Hội Thánh có hai Cơ Quan: Hành Chánh và Phước Thiện thường tương khắc nhau, song chưa tìm chơn lý để hòa nhau, ngày nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực thì không thi thố phận sự trọng yếu cho ra thiệt tướng được.

Mấy em cũng dư biết Đạo Cao Đài sản xuất có một Chơn Lý tối cao, tối trọng nên đời buổi này khao khát đợi chờ như hạn trông mưa, những kẻ tội tình trong bể khổ khát khao đợi giọt Cam Lộ của Đức Chí Tôn chan rưới cho bớt sự đau thảm. Đức Chí Tôn đến tạo Đạo giải khổ tâm hồn cả con cái của Ngài, Đức Chí Tôn lại tạo ra hình ảnh Thánh Thể

của Ngài, mượn tay các em và các bạn làm hình thể của Ngài, giải khổ cho đời về phần xác.

Phước Thiện lại có nhiệm vụ tối cao, tối trọng của Đức Chí Tôn: Giải khổ vừa xác vừa hồn, Ngài mượn mấy em nuôi nấng con cái của Ngài, nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ giúp đỡ cho kẻ nghèo nàn cô độc. Chừng nào cả Cơ Quan khốc hại của loài người mình gánh vác hết thì mới đúng cái nhiệm vụ của Chí Tôn phú thác, mấy em thử tự hỏi: Hỡi nào đến giờ làm nên những gì chưa? Chỉ lo bảo bọc anh em trong Đạo mà thôi, có đâu ngó đến ngoài Đời. Các vật loại đều là con cái Chí Tôn, chớ không phải nội trong cửa Đạo mà thôi, như thế có đủ đâu? Cơ Quan giải khổ của Chí Tôn cậy nhờ mấy em lo, nuôi mấy em còn chưa rồi. Từ ban sơ Qua chịu nhọc nhằn hăm hút, ăn từ miếng tương rau hiệp cùng nhau gầy dựng lập Phạm Môn, Qua chịu khó nhọc như mấy em cho đến ngày Cơ Quan Phước Thiện ra thiết tướng, đã tạo đủ lực lượng cho mấy em thi hành nhiệm vụ.

Tuy vậy, lúc nọ mấy em có phương thế lắm mà mấy em chỉ có tâm vị kỷ, trót năm năm, Qua đi vắng đến khi Qua trở về, Qua còn thấy có kẻ đói không ai nuôi, rách rưới không ai bảo dưỡng, thất lạc nơi này nơi khác, đoàn em Qua gói gắm đã xiêu lạc, thủ phạm Đạo không được, nên phải tìm đôi bạn sống theo Đời, vì nếu ở thủ phạm theo Đạo thì cũng chẳng ai nuôi. Ngoài nữa, Qua còn nghe, trong lúc Qua đi đũa nào có thể thì tự vi chủ, giành lấy cam một mình để tạihưởng vậy thôi. Hỡi vậy mấy em có nghĩa hay không? Nếu Qua cho Tòa Đạo mình tra thì không có một người nào có thể đứng trước mặt Qua mà xưng là đại công được, cái đói khổ cùng khổ của các em nó tố cáo mấy em không còn chối cãi được.

Qua nói thật, thể Đạo chưa rồi thì có mong gì tạo thành chơn tướng của Đạo. Phải chi mấy em biết nghe lời, Qua mở cửa Bát Quái Đài cho mấy em làm bạn với các Đấng Thiêng Liêng thì không đến nỗi này.

Ngày nay cửa Đạo được mở rộng đây cũng nhờ các Thánh Tử Đạo, nếu không thì vẫn còn đóng cửa. Nếu mấy em xem đáng, thì Qua mở cửa cho các Đấng Thiêng Liêng đi đờ mấy em.

Qua nói cho mấy em hay, Qua đang ngồi đây các Đấng ở Bát Quái Đài còn đợi mấy em và chính Qua sẽ đi đờ, kêu cửa Bát Quái Đài cho mấy em về làm bạn thân yêu của các Đấng Thiêng Liêng. Nếu mấy em làm phận sự không tròn và còn một mảy phạm tâm, thì cõi Hư Linh không đem mấy em vào bảng công nghiệp vĩ đại bao giờ. Các em có làm trọng trách đối với con cái Chí Tôn, thì Bát Quái Đài mới hiệp một cùng mấy em vậy.

Mấy em chưa nắm được hoàn ngọc thì chưa đủ bảo toàn Vạn Linh con cái của Chí Tôn.

Qua nói Qua sẽ mở cửa Bát Quái Đài diu dặt mấy em mà mấy em có đến được cùng chẳng là do tâm lý của mấy em đó.

Ấy vậy mấy em phải rán sức, định tâm lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phàm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao, tối trọng được, phải có khối óc thiêng liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn đối với con cái Ngài là quần linh.

Đến đây Qua xin mở Hội, để trọn quyền Hội Thánh Phước Thiện đủ sáng suốt làm việc và Bàn Đạo để trọn tín nhiệm về việc cầu phong, thăng thưởng một cách chánh đáng và công bằng.

**Phụ ghi:** Lịch Việt Nam. Ấn bản 1-3. Nguyễn Duy Thức biên soạn, Holly Ngô cập nhật dựa theo công thức của Fung F. Lee và Ricky Yeung. Hội Chuyên Gia Việt Nam 1995-1996: Ngày âl. 15-12-Bính Tuất nhằm ngày (dl. 06-01-1947).

### **VIII. Đức Hộ Pháp Trấn Thần Đền Thánh Tòa Thánh Tây Ninh**

Giai đoạn 1947-1956, được coi là thời kỳ “Thái Bình Thịnh Trị” của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

Vào ngày 6 tháng 1 năm Đinh Hợi (dl. 27-1-1947) Đức Phạm Hộ Pháp làm lễ Trấn Thần Đền Thánh. Cũng nên nhắc lại Tòa Thánh khởi công năm 1933, bị ngưng trệ vì ảnh hưởng lung củng nội bộ. Năm 1936 Đức Ngài ra lệnh khởi công tạo tác lại. Đến ngày 3 tháng 1 năm Đinh Hợi các công thợ làm lễ bàn giao Đền Thánh cất xong cho Hội Thánh. Đến ngày này thì Đức Phạm Hộ Pháp dạy Lễ Viện cúng giờ meo rồi làm phép trấn thần.

Đúng chín giờ ngày 6-1-Đinh Hợi (dl. 27-1-1947), Đức Hộ Pháp mặc Tiểu phục, dạy Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi và Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn theo Đức Ngài đến Báo Ân Từ. Đức Phạm Hộ Pháp vào Điện làm lễ xong dùng nước âm dương giao cho Thừa Sứ Lợi, Đức Ngài lấy 3 bó nhang hành pháp xong thì giao cho Truyền Trạng Trấn.

Khi đến Đền Thánh, Đức Ngài ngó ngay **Thiên Nhân trước Phi Tượng Đài** rải Cam lồ thủy và cầm nhang làm phép trấn thần. Kế tiếp đến tượng *Phật Di Lạc*, tượng *Đức Quyền Giáo Tông*, Bà Nữ *Đầu Sư* đến tượng *Ông Thiện*, *Ông Ác*.

Sau đó, Đức Ngài vào cửa Đền Thánh, đứng ngó vào Tịnh Tâm Điện trấn thần cái Cân Công Bình trên ngưỡng cửa, Đức Ngài nói: “Kể từ đây cái cân công bình thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã biến tướng thiết hiện ở thế gian này, để phân công chiết tội và định phẩm vị toà sen của toàn con cái của Ngài”.

Đức Ngài sang phía trái Đền Thánh, đứng ngang Cửa Trùng Đài cách 12 thước, trấn thần *Long Mã*. Trên lưng Long Mã có bộ *Lạc Thư Bát Quái và Cây kiếm*, nên có câu “Long Mã phụ hà đồ”. Long Mã chạy về tây mà đầu quay về phía Đông, ý nghĩa Đạo xuất từ Đông, đem từ Đông sang Tây cứu vớt chúng sanh.

Kể Đức Ngài đến Bát Quái Đài ngó lên trên trấn thần *Tam Thế Phật*:

**1- Phật Brahma:** đứng trên một con Thiên nga nhìn thẳng, đó là ngôi thứ nhất, tượng trưng Thánh Đức, thuộc về *Cơ Sanh Hoá*.

**2- Phật Civa:** đứng trên thất đầu xà (rắn 7 đầu) nhìn thẳng bên phải về phía Tây lang Toà Thánh. Đó là ngôi thứ hai, tượng trưng phần âm có sanh có diệt, ấy là *Cơ Bảo Tôn*.

**3- Phật Christna:** đứng trên con giao long nhìn qua trái. Đó là ngôi thứ ba tượng trưng phần trí não, thuộc *Cơ Tranh Đấu*.

Đức Phạm Hộ Pháp đến trấn thần bốn con *Kim Mao Hẩu* ở hai nấc thang bên phải Đền Thánh. Rồi Đức Ngài vào cửa Cửa Trùng Đài, sang qua bên tả trấn thần 4 con Kim Mao Hẩu. Đức Ngài nói: “Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khoẻ, tượng trưng cái năng lực tinh thần con người, nhờ nó mà qua các tầng trời về cùng Thầy”.

Sau đó Đức Ngài vào cửa bên trái Cửa Trùng Đài, trấn thần *Thiên Nhãn* quanh tổ đình, lần lượt xuống tới Bát Quái Đài, rồi sang bên phải, cả thấy là 23 Thiên Nhãn ngó ra ngoài. Vào trong đến cửa Cửa Trùng Đài bên phải, lên trấn thần tượng *Bát Tiên* và sang bên tả trấn thần tượng *Thất Hiền*. Rồi Đức Ngài trở xuống bàn Hộ Pháp trấn thần chữ *Khí*, Ngài Hộ Pháp có một con rắn 7 đầu: *Thất Đầu Xà*, cái thân nó quấn dưới ngôi Hộ Pháp, đưa lên trên 3 đầu và gục xuống 4 đầu, choàng cái mình quấn dưới ngôi Thượng Phẩm và cái đuôi dưới ngôi Thượng Sanh.

Khi tọa, Đức Hộ Pháp hai chân đạp lên hai đầu có tên AI, CỤ, hai tay đè 2 đầu Ó, DỤC, 3 đầu sau lưng là: HỈ, LẠC, ÁI.

Còn 23 Thiên nhãn nhìn vào trong Đền, Đức Ngài không trấn thần vì người Đạo qui ngang sợ làm ô uế.

Ngài Trương Hiến Pháp nói: “Vì lời tiên tri của Đức Hộ Pháp nên Hội Thánh rất lo ngại, nên quyết đức tượng của Đức Ngài gấp rút để trấn trên Thất Đầu Xà, mục đích trấn áp thất tình của con người, để tránh bớt biến cố trong Đạo, vì lời tiên tri ấy đã biểu hiện rõ nét từ ngày Đức Thượng Sanh về cầm quyền tối cao trong Đạo”. (Tham khảo tài liệu Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài Trương Hữu Đức, trang 13-14).

## IX. Đức Hộ Pháp Qui Thiên

Đức Hộ Pháp qui Thiên tại Nam Vang, Cambodia lúc 13 giờ ngày 10-4- Kỷ Hợi (dl 17-5-1959). Ngay tối hôm đó, Ngài Hồ Bảo Đạo lập đàn cơ tại Thánh Thất Kim Biên tức Tân Báo Ân Đường ở Nam Vang, Cambodia, Bát Nương Diêu Trì Cung giảng cơ, tiếp theo là Đức Hộ Pháp giảng cơ dạy cách làm lễ tang cho Đức Ngài.

Đàn cơ tại Thánh Thất Kim Biên (Tân Báo Ân Đường) đêm 10-4 Kỷ Hợi (dl 17-5-1959), Đức Hộ Pháp giảng cơ cho bài thài đám tang Ngài như sau:

### **THI**

*Ba năm xa cách để chờ may,  
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.  
Chỉ muốn cao bay trong một kiếp,  
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.  
Đã đành danh phận còn xa thẳm,  
Nhưng đứng mầy râu chẳng mảy may.  
Một kiếp vì đời tua gắng trả,  
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.*

Đức Ngài dặn tạm dùng đỡ bài thi này rồi khi nào chú Bảo Đạo khỏe thân sẽ tiếp cho bài khác.

Sau đó trong đàn cơ tại Thánh Thất Kim Biên đêm 13-4 Kỷ Hợi (dl 20-5-1959) lúc 22 giờ, Đức Hộ Pháp cho bài thài mới như sau:

### **THI**

*Trót đã ba năm ở xứ người,  
Dem thân đổi lấy phút vui tươi.  
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,  
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.  
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,  
Buồn nhìn cõi Đạo luống chơi vơi.  
Rồi đây ai đến cầm Chơn Pháp,  
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.*

Đức Ngài nói khá hơn bài thơ vừa qua, nhưng cũng chưa xong, chờ chú Bảo Đạo thuận điển sẽ cho bài khác. Bài thơ này được dùng làm bài thài trong tang lễ Đức Ngài.

## X. Thay Lời Kết

Đức Hộ Pháp là một trong những môn đệ yêu ái nhất đầu tiên của Đức Chí Tôn, lại là người trẻ tuổi được Đức Chí Tôn đặt vào phẩm vị cao quý nhất của Hiệp Thiên Đài, 37 tuổi đắc phong thiên vị Hộ Pháp, và kể từ năm đó, Đức Ngài xả thân hành đạo cho đến ngày sức mỗn hơi tàn, trở về Thiêng Liêng vị.

Trong những năm tháng bị lưu đày khổ sở ở Mã Đảo (Madagascar) (1941-1946), Đức Phạm Hộ Pháp luôn luôn được các Đấng thiêng liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo, mà người Pháp muốn dùng cách đó để gián tiếp giết chết Đức Phạm Hộ Pháp.

Công nghiệp của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên Đài lẫn Cửu Trùng Đài cầm quyền thống nhất Chính Trị Đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thật là vĩ đại nhất so với tất cả các Chức sắc cao cấp cầm quyền điều khiển nền Đạo thuở ban đầu. Chẳng những tín đồ chúng ta tin tưởng ở Ngài mà tất cả dân tộc Việt Nam khâm phục Ngài. Hơn nữa tất cả thế giới cũng hướng về đất thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh mà chiêm ngưỡng.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặt dưới quyền thống nhất của Ngài, mỗi ngày một bành trướng. Ảnh hưởng Thiêng Liêng của Ngài rất rộng lớn, đã vượt qua cả biên thù Đông Phương, lan tràn chẳng những ở Âu Châu mà còn cả ở Nam Mỹ và Bắc Mỹ.

Trong Nội Ô Tòa Thánh, cũng như trong khắp Châu Thành Thánh địa Tây Ninh, từ những Đền Thờ đến các Dinh Thự, từ những con đường lớn nhỏ đến các cây cầu, từ những ngôi chợ đến các khu nhà ở trật tự khang trang, từ những ngôi trường dạy trẻ em nhà đạo cho đến các Y viện, Dưỡng Lão, Cô nhi Viện, vv. . . đâu đâu cũng đều thấy có những dấu tích nhắc nhở công nghiệp vĩ đại của Đức Ngài. Đây chưa kể đến những Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu, các Cơ Sở Đạo trên toàn quốc Việt Nam và hải ngoại.

Thể xác của Đức Ngài tuy đã mất, hình bóng của Đức Ngài tuy đã khuất, nhưng trong lòng của mỗi tín đồ Cao Đài trong nhiều thế hệ vẫn ghi khắc hình ảnh sống động của Đức Ngài. Đức Ngài là bậc vĩ nhân của Đạo Cao Đài, và cũng sẽ như Đức Chúa Jê-sus hay Đức Phật Thích Ca, Ngài sẽ là vĩ nhân của toàn thể nhơn loại.

Được tin Đức Hộ Pháp triều thiên, toàn đạo trong nước vô cùng thương tiếc. Từ miền Trung đến Lục Tỉnh kéo về Tòa Thánh làm lễ truy điệu Đức Ngài.

## **XI. Tài Liệu Tham Khảo**

1. Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên Đài & Cửu Trùng Đài Kiêm Thượng Tôn Quản Thế, QS TS Nguyễn Thanh Bình (2018)

2. Đại Đạo Sử Cương, soạn giả Hiền Tài Trần Văn Rạng Q.II (1970)
3. Lời Thuyết Đạo Của Đức Hộ Pháp năm 1946-1947, Q.I (1947).

Trân trọng,

Midland MI ngày 29-02-2020  
QS TS Nguyễn Thanh Bình  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
Tòa Thánh Tây Ninh  
Sưu Tâm